

Bản Chi tiết sản phẩm
Ngày phát hành 03/04/2009
Mã số no 8.1.022
Hiệu đính lần 01
Sikafloor®-161

Sikafloor® -161

Chất kết dính Epoxy hai thành phần, tạo vữa tự san bằng, vữa trát và lớp kết nối.

Mô tả Sikafloor®-161 là chất kết dính nhựa epoxy hai thành phần có độ nhớt thấp và không dung môi

Các ứng dụng

- Lớp lót cho mặt nền bê tông, vữa trát xi măng và vữa trát epoxy
- Dùng cho bề mặt có độ thấm hút từ thấp đến cao
- Lớp lót cho hệ thống sàn sikafloor
- Chất kết dính cho vữa tự san bằng và vữa trát

Đặc tính / Ưu điểm

- Độ nhớt thấp.
- Khả năng thẩm thấu tốt
- Kết dính tuyệt hảo
- Không dung môi.
- Dễ thi công.
- Thời gian chờ ngắn.
- Ứng dụng đa dạng

Thông tin sản phẩm

Hình thức

Dạng / Màu sắc

Phần A : chất lỏng trong suốt ,màu hơi nâu
Phần B : chất lỏng trong suốt

Đóng gói

Bộ 10 kg (thành phần A+B)
Thành phần A : 7.9 kg/thùng
Thành phần B : 2.1 kg/thùng

Lưu trữ

Điều kiện lưu trữ /Thời hạn sử dụng Tối thiểu 12 tháng nếu lưu trữ đúng cách trong bao bì nguyên chưa mở.Nơi khô mát có bóng râm (nhiệt độ lưu trữ từ 18°C đến +30°C)

Thông số kỹ thuật

Gốc hóa học Epoxy

Construction



| | | |
|---------------------|---------------------------------------|---------------------|
| Khối lượng thể tích | Phần A : ~ 1.6kg/l | |
| | Phần B : ~ 1.0 kg/l | |
| | Hỗn hợp trộn (A+B) : 1.4 kg/l ở +23°C | (DIN ZN ISO 2811-1) |

Hàm lượng chất rắn ~ 100% (theo thể tích) / ~ 100% (theo khối lượng)

Các đặc tính về Cơ / Lý

| | | |
|-------------------|---|--------------|
| Cường độ nén | ~ 60 N/mm ² (28 ngày/ +23°C) | (EN 196-1) |
| Cường độ uốn | ~ 30 N/mm ² (28 ngày/ +23°C) | (EN 196-1) |
| Cường độ kết dính | > 1.5 N/mm ² (phá hỏng bê tông) | (ISO 4624) |
| Độ cứng Shore D | 76 (7 ngày/ +23°C) | (DIN 53 505) |

Độ kháng

Kháng nhiệt

| Kháng nhiệt tự nhiên | Nhiệt nóng, khô |
|---------------------------------------|-----------------|
| Kháng nhiệt vĩnh viễn | + 50°C |
| Kháng ở thời gian ngắn, tối đa 7 ngày | + 80°C |
| Kháng ở thời gian ngắn, tối đa 12h | + 100°C |

Ghi chú: Độ ẩm ở thời gian ngắn có thể chịu đến +80°C ở nơi mà đôi khi mới xảy ra (ví dụ: chùi rửa bằng hơi nóng)

Không tiếp xúc đồng thời hóa học và cơ học.

Thông tin hệ thống

Hệ thống phủ

Lớp lót:

Bê tông có độ rỗng thấp / trung bình: 1 x Sikafloor® -161

Bê tông có độ rỗng cao: 2 x Sikafloor® -161

Lớp vữa mịn tự san bằng (độ thô mặt <1mm):

Lớp lót: 1 x Sikafloor® -161

Vữa san bằng: 1 x Sikafloor® -161 + cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm)
+ Extender (chất độn)

Lớp vữa san bằng trung bình (độ thô mặt đến 2 mm):

Lớp lót: 1 x Sikafloor® -161

Vữa san bằng: 1 x Sikafloor® -161 + cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + Extender T

Lớp vữa dày (tự san bằng từ 1.5-3.0 mm):

Lớp lót: 1 x Sikafloor® -161

Lớp vữa tự san bằng 1 x Sikafloor® -161 + cát thạch anh (0.1-0.3 mm)

Lớp vữa trát (độ dày 15 - 20 mm)/Vữa sửa chữa:

Lớp lót: 1 x Sikafloor® -161

Lớp kết nối: 1 x Sikafloor® -161

Lớp vữa trát: 1 x Sikafloor® -161 + hỗn hợp cát thích hợp

Thực tế cấp phối cát sau đây rất thích hợp để dùng cho lớp vữa trát có độ dày 15 - 20 mm

25 phần cát thạch anh 0.1 - 0.5 mm theo khối lượng.

25 phần cát thạch anh 0.4 - 0.7 mm theo khối lượng.

25 phần cát thạch anh 0.7 - 1.2 mm theo khối lượng.

25 phần cát thạch anh 2.0 - 4.0 mm theo khối lượng.

Lưu ý: Kích cỡ hạt cát lớn nhất tối đa bằng 1/3 bề dày lớp hoàn thiện. Tùy thuộc vào hình dáng hạt và nhiệt độ thi công, nên chọn cốt liệu và hỗn hợp phù hợp nhất.

Chi tiết thi công

| Mặt Độ Tiêu Thu | Hệ thống phủ | Sản phẩm | Tiêu thụ |
|---|--------------|---|-------------------------------|
| Lớp lót | | Sikafloor®-161 | 0.35 - 0.55 kg/m ² |
| Vữa mịn tự san bằng (độ thô mặt < 1 mm) | | 1 phần Sikafloor®-161 + 0.5 phần cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + 0.015 phần Extender T (theo khối lượng) | 1.7 kg/m ² /mm |
| Vữa san bằng trung bình (độ thô mặt đến 2 mm) | | 1 phần Sikafloor®-161 + 1 phần cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + 0.015 phần Extender T (theo khối lượng) | 1.9 kg/m ² /mm |
| Lớp vữa dày (tự san bằng 1.5 – 3.0mm) | | 1 phần Sikafloor®-161+ 1 phần cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + rắc cát 0.4 - 0.7mm (nếu cần) | 1.9 kg/m ² /mm |
| Lớp kết nối | | Sikafloor®-161 | 0.3 – 0.5 kg/m ² |
| Vữa trát (15 – 20 mm) / Vữa sửa chữa | | 1 phần Sikafloor®-161 + 8 phần cát thạch anh (theo khối lượng) | 2.2 kg/m ² /mm |

Điều kiện bề mặt

Bề mặt bê tông phải đặc chắc và đủ cường độ (tối thiểu 25N/mm²) và cường độ kéo tối thiểu 1.5N/mm².

Bề mặt phải sạch, khô và không có các tạp chất bẩn, dầu mỡ, lớp sơn cũ, các chất xử lý bề mặt...

Nếu có nghi ngờ nên thử ở 1 vùng nhỏ nào đó.

Chuẩn bị bề mặt

Dùng các thiết bị để làm thô ráp bề mặt bê tông, hoặc dùng cát để thổi sạch các mảnh vụn xi măng, các mảnh bê tông yếu.

Nên loại bỏ các mảnh bê tông yếu, các vết hư hỏng như các lỗ hổng...nên được phát hiện.

Sử dụng các sản phẩm thích hợp như Sikafloor, Sikagard hoặc Sikadur để sửa chữa các bề mặt, bịt kín các lỗ hổng, tạo bề mặt bằng phẳng....

Bụi, tạp chất và các mảnh vỡ lỏng lẻo phải được loại bỏ bằng máy hút bụi hoặc bàn chải.

Điều kiện thi công / Giới hạn

Nhiệt độ nền Thấp nhất +10°C / Cao nhất +30°C.

Nhiệt độ môi trường Thấp nhất +10°C / Cao nhất +30°C.

Độ ẩm bề mặt nền Độ ẩm < 4%.

Độ ẩm tương đối Tối đa 80% độ ẩm tương đối.

Điểm sương Lưu ý về sự ngưng tụ.

Nền và sàn chưa bảo dưỡng phải cao hơn điểm sương ít nhất 3°C để giảm nguy cơ bị ngưng tụ hơi nước ở màng sơn.

Hướng dẫn thi công

Tỷ lệ trộn

Thành phần A : B = 79 : 21 (theo khối lượng)

Trộn

Trộn phần A trước sau đó đổ phần B vào phần A và trộn liên tục 3 phút sao cho tạo hỗn hợp đồng nhất.
Sau khi trộn thành phần A+B thêm cát thạch anh nếu cần, hoặc thêm Extender T rồi trộn thêm 2 phút nữa cho đến khi đạt được hỗn hợp đồng nhất.
Tránh trộn quá lâu để giảm bọt khí
Dùng máy trộn điện ở tốc độ thấp (300 – 400 vòng/ phút) hoặc các máy trộn thích hợp khác.
Để tạo vữa thi nên dùng máy khuấy cưỡng bức có cánh quay thích hợp và phần vữa bị văng ra thì nên bỏ đi.

Phương pháp thi công / Dụng cụ

Trước khi thi công, xác định độ ẩm bề mặt nền, độ ẩm tương đối và điểm sương. Nếu độ ẩm bề mặt nền > 4% thì hệ thống Sikafloor® EpoCem® có thể được áp dụng như là chất ngăn ẩm tạm thời.

Lớp lót:

Đảm bảo lớp lót được phủ toàn bộ và liên tục bề mặt nền. Nếu cần thiết, thi công hai lớp. Thi công Sikafloor® -161 bằng cọ, con lăn hoặc bàn cào.

Vữa san bằng:

Các bề mặt gồ ghề cần phải được làm phẳng trước. Thi công lớp vữa san bằng bằng bàn cào / bay đạt độ dày yêu cầu.

Lớp vữa rắc cát :

Đổ Sikafloor 161 ra sàn và dùng bay phân bố đều trên mặt nền .Tiếp đến dùng bay răng cưa gạt đều sản phẩm theo hai hướng vuông góc nhau để tạo ra độ dày đồng đều. Cát thạch anh nên rải lên sau đó 15 phút nhưng phải trước 30 phút (ở +20oC) ,rắc nhẹ lúc ban đầu sau đó cho nhiều hơn.

Lớp kết nối:

Thi công Sikafloor® -161 bằng cọ, con lăn hoặc bàn cào.

Vữa láng nền / Vữa sửa chữa:

Thi công lớp vữa láng nền lên lớp kết nối còn ướt, sử dụng các thanh nẹp và thanh gạt vữa để san bằng khi cần thiết. Sau một thời gian chờ ngắn, dùng bay hoặc máy xoa nền có phủ lớp Teflon (thường có tốc độ 20 – 90 vòng/phút) để đầm và làm phẳng lớp vữa.

Vệ sinh dụng cụ

Làm sạch các thiết bị, dụng cụ bằng chất Thinner C ngay sau khi sử dụng. Các vật liệu khô cứng có thể được loại bỏ bằng cơ học.

Thời gian sống (potlife)

| Nhiệt độ | Thời gian |
|----------|-----------|
| + 10°C | ~ 50 phút |
| + 20°C | ~ 25 phút |
| + 30°C | ~ 15 phút |

Thời gian chờ

Trước khi phủ Sikafloor (không dung môi) trên lớp Sikafloor 161 nên :

| Nhiệt độ mặt nền | Tối thiểu | Tối đa |
|------------------|-----------|--------|
| +10°C | 24 giờ | 4 ngày |
| +20°C | 12 giờ | 2 ngày |
| +30°C | 8 giờ | 24 giờ |

Trước khi phủ Sikafloor(loại có chứa dung môi) trên lớp Sikafloor 161 nên

| Nhiệt độ mặt nền | Tối thiểu | Tối đa |
|------------------|-----------|--------|
| +10°C | 36 giờ | 6 ngày |
| +20°C | 24 giờ | 4 ngày |
| +30°C | 16 giờ | 2 ngày |

Lưu ý về thi công / giới hạn

Không sử dụng Sikafloor® 161 trên mặt nền có độ ẩm cao
 Nếu đã trộn Sikafloor® 161 thành phần (A+B) để thi công thì nên bảo quản tránh khỏi nơi ẩm ướt, có nước và hơi nước ngưng tụ tối thiểu 24 giờ
 Lớp lót phải được phủ đồng đều trên mặt nền.
 Lớp vữa trát Sikafloor® 161 không thích hợp tiếp xúc với nước dù là gián đoạn hay thường xuyên trừ khi đã hóa cứng.
 Nên tiến hành thử nghiệm trước cho hỗn hợp vữa để tìm ra cấp phối cốt liệu thích hợp.
 Đối với các mạch ngừng cần xử lý, nên theo hướng dẫn sau:
 + Vết nứt tĩnh: dùng Sikadur hoặc Sikafloor epoxy để trám kín và làm phẳng
 + Vết nứt động: cần xem xét kỹ vết nứt nếu cần thiết dùng băng phủ đàn hồi được thiết kế cho khe dịch chuyển.
 Việc đánh giá và xử lý vết nứt không đúng sẽ giảm tuổi thọ công trình hoặc gây ra các vết nứt khác.

Thời gian bảo dưỡng

Thời gian chờ sau khi thi công

| Nhiệt độ | Có thể đi bộ được | Chịu tác động cơ học nhẹ | Đưa vào sử dụng hoàn toàn |
|----------|-------------------|--------------------------|---------------------------|
| +10°C | ~ 24 giờ | ~ 6 ngày | ~ 10 ngày |
| +20°C | ~ 12 giờ | ~ 4 ngày | ~ 7 ngày |
| +30°C | ~ 8 giờ | ~ 2 ngày | ~ 5 ngày |

Thời gian mang tính tương đối và phụ thuộc vào điều kiện môi trường.

Thông tin về Sức khỏe và An toàn

Biện pháp bảo vệ

Trong quá trình thi công và bảo dưỡng trong phòng kín, hồ thang máy, hầm, v.v... cần được thông khí đầy đủ. Tránh xa lửa nhất là tia lửa hàn.

Áp dụng các nguyên tắc cơ bản về trang phục bảo hộ và vệ sinh công nghiệp như mang găng tay và kính bảo hộ, v.v... sẽ giúp sử dụng sản phẩm an toàn. Thay quần áo và rửa tay trước khi ăn và sau khi hoàn tất công việc.

Các qui định, hướng dẫn về an toàn và sức khỏe trên bao bì phải được tuân thủ.

Sinh thái học

Ở trạng thái lỏng, cả 2 thành phần và chất thinner đều có thể gây ô nhiễm nước do đó không đổ xuống cống rãnh, xuống nước hoặc đất.

Vận chuyển

Thành phần A: không nguy hiểm

Thành phần B: độc hại UN 1760 hạng 8 (IATA / IACO)

Lưu ý quan trọng

Vật liệu chưa hòa trộn / chưa phản ứng phải được đổ bỏ theo các qui định tại địa phương. Các nguyên vật liệu nào đã hoá cứng hoàn toàn thì có thể đổ bỏ như là chất thải sinh hoạt với sự đồng ý và cho phép của chính quyền địa phương.

Thông tin chi tiết về an toàn và sức khỏe cũng như các biện pháp phòng ngừa như lý tính, độc hại và môi trường sinh thái nằm trong bảng an toàn vật liệu.

Miễn trừ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.



Sika Limited (Vietnam)
 Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
 Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
 Tel: (84-61) 3560 700 Fax: (84-61) 3560 699
 www.sika.com.vn, sikavietnam@vn.sika.com

